TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị A với anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Xuân Tiếng.
2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa hôm nay, chị A và anh B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Chị và anh B không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Nay chị

nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Trong thời gian chung sống, chị và anh B có 01 con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010, hiện tại đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Huỳnh Văn B trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị A về hôn nhân, con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, về sau thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cãi nhau. Anh và chị A không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Do còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị A.

Anh và chị A có 01 con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010, hiện tại đang sống chung với chị A. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để chị A tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nhưng sẽ lo cho con theo khả năng của anh.

Anh và chị A không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Huỳnh Văn B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Văn B chung sống có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị A và anh B được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tại địa phương xác nhận không biết về tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh B. Tuy nhiên, chị A cho rằng chị và anh B có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau, chị đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2017 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm, không thể sống chung với anh B được nên xin ly hôn với anh B. Anh B cũng thừa nhận anh và chị A có mâu thuẫn đúng như chị A trình bày, chị A cũng đã về nhà mẹ

ruột sống từ tháng 3 năm 2017 đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương chị A.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị A và anh B đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A để giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Chị A và anh B có một con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 đang sống chung với chị A. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được tiếp tục trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị A và anh B không sống chung với nhau thì con chung do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Lộc muốn được sống chung với chị A và anh B cũng đồng ý nếu phải ly hôn thì anh để cho chị A tiếp tục nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao cháu Lộc cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Văn B có 01 con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010.

Chị Nguyễn Thị A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Huỳnh Văn L.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Huỳnh Văn B cấp dưỡng cho con chung.

Anh Huỳnh Văn B được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Văn B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011941 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang